

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH V**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH V**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và bà Bùi Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 9 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn T 4, xã L, huyện Y, tỉnh V, có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 02 năm 2022 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn Q trên cơ sở được tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 31/3/2017. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến tháng 9 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do anh Q không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát. Anh chị sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay không lần nào gặp gỡ dàn xếp vợ chồng về đoàn tụ. Chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Q.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị T xác định có 01 con chung là cháu Đỗ Minh K, sinh ngày 30/5/2018, đang sống cùng anh Q và gia đình. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm việc tại thành phố H, thu nhập trung bình khoảng 25.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn Q đã được Tòa án làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh Q nhận được văn bản của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải khi chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải là chưa đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những nội dung khác về trình tự, thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh Q; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh K, sinh ngày 30/5/2018. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn Q. Anh Q cư trú tại huyện Y, tỉnh V. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhưng anh Q không đến và không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng anh Q tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc Tòa án vẫn tiến hành mở họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải khi chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Văn Q không thuộc trường hợp những vụ án dân sự không được tiến hành hòa giải. Mặt khác, trong vụ án ly hôn, hòa giải có ý nghĩa vô cùng to lớn để hàn gắn mối quan hệ đã rạn nứt, giải quyết các tranh chấp, xung đột giữa vợ chồng một cách ôn hòa, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng và các con, để các đương sự thỏa thuận, thương lượng được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên trong vụ án ly hôn chế định hòa giải được nhà nước khuyến khích. Do vậy, việc Tòa án tiến hành mở phiên hòa giải không vi phạm quy định trong pháp luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh V, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống khoảng tháng 9 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không dàn xếp được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2021 đến

nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, anh Q biết việc chị T làm đơn ly hôn nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc. Chứng tỏ anh Q chưa thực sự mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương và theo cung cấp của gia đình anh Q, thể hiện: Trong cuộc sống anh chị có mâu thuẫn, hai bên gia đình dần xếp nhưng tình cảm không cải thiện. Thực tế anh chị ly thân thời gian tương đối dài mà không có biện pháp hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Chị T kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Văn Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị T ly hôn anh Q là phù hợp.

[4]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Văn Q có 01 con chung là cháu Đỗ Minh K, sinh ngày 30/5/2018, đang sống cùng anh Q và gia đình anh Q. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con. Xét thấy cháu K còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Mặt khác, chị T có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc con. Do vậy, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu K, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án anh Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử.

1. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đỗ Văn Q

2. Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh K, sinh ngày 30/5/2018. Anh Đỗ Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001175 ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh V. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu